

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc
ngày 31 tháng 03 năm 2025



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký 34121000019 ngày 20 tháng 9 năm 2007
Đầu tư số 1714445463 ngày 24 tháng 11 năm 2020

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh lần đầu vào ngày 24 tháng 11 năm 2020 bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 1714445463. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu và bản điều chỉnh lần lượt do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi cấp và có giá trị trong vòng 40 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận 4300338460 ngày 6 tháng 10 năm 2005
Đăng ký Doanh nghiệp số

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4300338460 ngày 04 tháng 12 năm 2024. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Koo Liang Kwee	Chủ tịch
	Bà Bùi Thị Nhựt	Thành viên
	Ông Đinh Văn Thành	Thành viên
	Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên
	Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên

Ban Kiểm soát	Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân	Trưởng ban
	Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
	Bà Đỗ Thị Diễm Kiều	Thành viên

Ban Điều hành	Bà Bùi Thị Nhựt	Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Giám đốc
	Ông Võ Thanh Cường	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú,
Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		350.697.165.693	448.998.204.247
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	72.595.359.310	37.710.615.164
Tiền	111		72.595.359.310	37.710.615.164
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		85.173.255.077	225.567.016.808
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	80.192.182.226	225.024.381.858
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	4.860.149.384	436.922.558
Phải thu ngắn hạn khác	136		120.923.467	105.712.392
Hàng tồn kho	140	11(a)	190.208.162.519	182.687.390.940
Hàng tồn kho	141		190.534.418.132	183.036.156.466
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(326.255.613)	(348.765.526)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.720.388.787	3.033.181.335
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.991.165.099	2.470.001.473
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		729.223.688	563.179.862
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		849.732.193.632	881.934.974.598
Tài sản cố định	220		709.980.107.390	741.488.102.823
Tài sản cố định hữu hình	221	12	709.910.380.421	741.410.330.435
Nguyên giá	222		2.011.909.088.660	2.011.909.088.660
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.301.998.708.239)	(1.270.498.758.225)
Tài sản cố định vô hình	227		69.726.969	77.772.388
Nguyên giá	228		519.545.034	519.545.034
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(449.818.065)	(441.772.646)
Tài sản dở dang dài hạn	240		15.532.980.031	14.435.516.699
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	15.532.980.031	14.435.516.699
Tài sản dài hạn khác	260		124.219.106.211	126.011.355.076
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	116.864.152.966	118.928.709.124
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.748.132.691	2.666.760.635
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11(b)	4.606.820.554	4.415.885.317
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.200.429.359.325	1.330.933.178.845

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Quảng Ngãi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		356.288.667.936	493.995.757.281
Nợ ngắn hạn	310		356.288.667.936	493.995.757.281
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15(a)	30.123.526.568	49.265.381.883
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		18.069.800	27.423.572
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	170.697.225.479	216.649.644.530
Phải trả người lao động	314		952.826.854	3.489.597.698
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	9.675.947.187	8.907.652.469
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	18.479.069.202	19.265.140.607
Vay ngắn hạn	320	19	117.400.000.000	189.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	8.942.002.846	7.390.916.522
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		844.140.691.389	836.937.421.564
Vốn chủ sở hữu	410	21	844.140.691.389	836.937.421.564
Vốn cổ phần	411	22	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	36.600.250.272	36.600.250.272
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		357.540.441.117	350.337.171.292
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		350.337.171.292	279.457.411.486
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		7.203.269.825	70.879.759.806
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.200.429.359.325	1.330.933.178.845

Ngày 17 tháng 4 năm 2025



Người duyệt:

Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Người lập:

Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2025

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025 VND	31/03/2024 VND
Doanh thu bán hàng	01	23	420.973.448.532	502.180.172.388
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	33.913.440	79.231.160
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	23	420.939.535.092	502.100.941.228
Giá vốn hàng bán	11	24	402.164.752.667	463.575.328.898
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		18.774.782.425	38.525.612.330
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	201.598.341	5.492.472.396
Chi phí tài chính	22	26	1.673.581.673	2.296.575.927
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.661.760.183	2.308.675.251
Chi phí bán hàng	25	27	2.668.195.025	3.381.603.444
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	3.495.619.066	3.886.630.587
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		11.138.985.002	34.453.274.768
Thu nhập khác	31		298.548.431	268.857.260
Chi phí khác	32		186.091.067	277.838.202
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		112.457.364	(8.980.942)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.251.442.366	34.444.293.826
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	2.400.758.273	7.895.095.130
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	30	(81.372.056)	17.056.489
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		8.932.056.149	26.532.142.207
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	160	553

Ngày 17 tháng 4 năm 2025



Người duyệt:

Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Người lập:

Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 1/2025

ĐVT: đồng

Chỉ Tiêu	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 1/2025	QUÝ 1/2024	Lũy kế tại ngày 31/03/2025	Lũy kế tại ngày 31/03/2024
A	B	C	1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	420.973.448.532	502.180.172.388	420.973.448.532	502.180.172.388
2. Các khoản giảm trừ	02	23	33.913.440	79.231.160	33.913.440	79.231.160
3. Doanh thu thuần và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		420.939.535.092	502.100.941.228	420.939.535.092	502.100.941.228
4. Giá vốn hàng bán	11	24	402.164.752.667	463.575.328.898	402.164.752.667	463.575.328.898
5. Lợi tức gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		18.774.782.425	38.525.612.330	18.774.782.425	38.525.612.330
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	201.598.341	5.492.472.396	201.598.341	5.492.472.396
7. Chi phí tài chính	22	26	1.673.581.673	2.296.575.927	1.673.581.673	2.296.575.927
Trong đó: Lãi vay phải trả:	23		1.661.760.183	2.308.675.251	1.661.760.183	2.308.675.251
8. Chi phí bán hàng	25	27	2.668.195.025	3.381.603.444	2.668.195.025	3.381.603.444
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	3.495.619.066	3.886.630.587	3.495.619.066	3.886.630.587
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.138.985.002	34.453.274.768	11.138.985.002	34.453.274.768
11. Thu nhập khác	31		298.548.431	268.857.260	298.548.431	268.857.260
12. Chi phí khác	32		186.091.067	277.838.202	186.091.067	277.838.202
13. Kết quả từ các hoạt động khác (40=31-32)	40		112.457.364	(8.980.942)	112.457.364	(8.980.942)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.251.442.366	34.444.293.826	11.251.442.366	34.444.293.826
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	2.400.758.273	7.895.095.130	2.400.758.273	7.895.095.130
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	(81.372.056)	17.056.489	(81.372.056)	17.056.489
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		8.932.056.149	26.532.142.207	8.932.056.149	26.532.142.207
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	31	160	553	160	553

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 4 năm 2025

Người duyệt
Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Người lập
Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2025****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay) VND	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước) VND
LUU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		11.251.442.366	34.444.293.826
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		31.507.995.433	32.037.519.578
Các khoản dự phòng	03		425.861.523	36.966.037
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(6.806.156)	(262.015.595)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(9.110.013)	(1.675.621.281)
Chi phí lãi vay	06		1.661.760.183	2.308.675.251
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		44.831.143.336	66.889.817.816
Biến động các khoản phải thu	09		144.665.843.930	(16.352.951.744)
Biến động hàng tồn kho	10		(8.137.568.339)	22.462.553.737
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(62.059.026.122)	(75.616.369.281)
Biến động chi phí trả trước	12		1.213.207.403	(665.426.791)
			120.513.600.208	(3.282.376.263)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.423.872.877)	(2.041.909.042)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.813.529.206)	(18.638.058.782)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(44.860.000)	(185.952.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		111.231.338.125	(24.148.296.987)
LUU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(137,623,032,486)	(125.677.560.241)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		-	(58.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		9.110.013	1.977.695.801
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.718.490.936)	(181.699.864.440)

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2025

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33		335.300.000.000	403.800.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(406.900.000.000)	(435.500.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36		(20.010.000)	(17.740.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(71.620.010.000)	(31.717.740.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		34.892.837.189	(237.565.901.427)
Tiền đầu năm	60		37.710.615.164	266.189.958.489
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		(8.093.043)	89.558.174
Tiền cuối quý (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	72.595.359.310	28.713.615.236

Ngày 17 tháng 4 năm 2025



Người duyệt:

Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Người lập:

Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 28 tháng 2 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là BSQ.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; sản xuất kinh doanh đồ uống chứa cồn và kinh doanh kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty có 205 nhân viên (1/1/2025: 205 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

C.T.C.P
★
/

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán 31/03/2025, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 5.591 triệu VND (1/1/2025: 44.998 triệu VND). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ, tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng với giá trị là 392.600 triệu VND và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ và không tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 năm
▪ tài sản khác	2 – 20 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 41 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính quý một hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của quý hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong quý 1 năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Trong năm, không diễn ra hoạt động kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các Quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 và ngày 31 tháng 03 năm 2024 đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền

	31/03/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền mặt	227.664.327	55.837.045
Tiền gửi ngân hàng	72.367.694.983	37.654.778.119
	72.595.359.310	37.710.615.164

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/03/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	67.343.178.265	211.947.177.947
International Consolidated Business Pty Ltd	10.437.338.965	11.119.820.747
Các khách hàng khác	2.411.664.996	1.798.501.169
	80.192.182.226	225.024.381.858

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/03/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	67.343.178.265	211.947.177.947
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Sông Lam	61.074.000	61.398.000

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 3 đến 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Trả trước cho người bán ngắn hạn****Trả trước cho người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	31/03/2025	1/1/2025
	VND	VND
Các nhà cung cấp khác	4.560.143.384	339.438.563
	4.560.143.384	339.438.563
	31/03/2025	1/1/2024
	VND	VND
Bên liên quan khác	300.006.000	97.483.995
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Sa be co	300.006.000	97.483.995

Trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 bao gồm 300 triệu VND là khoản trả trước cho người bán để mua tài sản cố định (1/1/2025: 25,78 triệu VND).

8. Hàng tồn kho**(a) Hàng tồn kho**

	31/03/2025		1/1/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	119.303.555.629	-	88.427.355.761	-
Công cụ và dụng cụ	11.456.336.488	(326.255.613)	10.610.600.389	(348.765.526)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	34.395.801.712	-	36.764.177.458	-
Thành phẩm	25.368.622.283	-	47.212.513.058	-
Hàng hóa	10.102.020	-	21.509.800	-
	190.534.418.132	(326.255.613)	183.036.156.466	(348.765.526)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	31/03/2025	31/03/2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	348.765.526	386.969.747
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(22.509.913)	(47.695.815)
Số dư cuối kỳ	326.255.613	386.969.747

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/03/2025	1/1/2025
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
	Dự phòng	Dự phòng
	VND	VND

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	17.877.864.379	(13.271.043.825)	17.238.557.706	(12.822.672.389)
--	----------------	------------------	----------------	------------------

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	31/03/2025 VND	31/03/2024 VND
Số dư đầu năm	12.822.672.389	10.857.108.802
Dự phòng trích lập trong kỳ	448.371.436	84.661.852
Số dư cuối năm	13.271.043.825	10.941.770.654

Y
N
C
G
G

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	336.599.223.207	1.664.045.311.312	9.520.927.538	1.198.726.550	544.900.053	2.011.909.088.660
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	336.599.223.207	1.664.045.311.312	9.520.927.538	1.198.726.550	544.900.053	2.011.909.088.660
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	155.118.354.079	1.104.900.908.408	8.904.855.535	1.091.602.226	483.037.977	1.270.498.758.225
Khấu hao trong năm	3.445.215.550	27.961.012.651	41.691.642	44.297.411	7.732.760	31.499.950.014
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	158.563.569.629	1.132.861.921.059	8.946.547.177	1.198.295.001	428.375.373	1.301.998.708.239
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	181.480.869.128	559.144.402.904	616.072.003	107.124.324	61.862.076	741.410.330.435
Số dư cuối năm	178.035.653.578	531.183.390.253	574.380.361	431.549	116.524.680	709.910.380.421

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 39.045 triệu VND (1/1/2025: 34.710 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**10. Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Số dư đầu năm	14.435.516.699	9.798.307.815
Tăng trong kỳ	80.522.222	3.137.729.313
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	1.016.941.110	4.067.764.440
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(2.568.284.869)
Số dư cuối kỳ	15.532.980.031	14.435.516.699

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Nhà cửa, vật kiến trúc của dự án 06 Nguyễn Thụy	15.465.698.550	14.435.516.699
Tài sản cố định khác	67.281.481	-
Số dư cuối kỳ	15.532.980.031	14.435.516.699

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí lãi vay trả trước VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	112.819.751.504	5.586.884.245	522.073.375	118.928.709.124
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	(1.016.941.110)	-	-	(1.016.941.110)
Phân bổ trong kỳ	-	(734.371.029)	(313.244.019)	(1.047.615.048)
Số dư cuối kỳ	111.802.810.394	4.852.513.216	208.829.356	116.864.152.966

12. Phải trả người bán(a) **Phải trả người bán ngắn hạn**(i) **Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/03/2025 VND	1/1/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	9.527.274.032	34.567.698.610
Công ty TNHH Thương Mại Và Vận Tải Thái Tân	3.459.366.297	1.241.012.172
Công ty Cổ Phần Hanacans	6.982.385.653	4.105.348.563
Công ty TNHH Thịnh Đức	1.034.000.000	1.034.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Hà Tân	1.947.210.780	1.984.613.814
Các nhà cung cấp khác	6.635.211.126	6.332.708.724
	30.123.526.568	49.265.381.883

(ii) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/03/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	9.527.274.032	34.567.698.610
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	6.166.936

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**13. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã căn trừ trong kỳ VND	31/03/2025 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	186.308.371.146	384.295.630.701	(418.891.588.867)	-	151.712.412.980
Thuế giá trị gia tăng	22.531.830.724	78.483.648.476	(51.569.522.462)	(32.858.003.622)	16.587.953.116
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.809.254.871	2.400.758.273	(7.813.529.206)	-	2.396.483.938
Thuế thu nhập cá nhân	(563.179.862)	613.581.433	(779.625.259)	729.223.688	-
Các loại thuế khác	187.789	3.559.575	(3.371.919)	-	375.445
	216.086.464.668	465.797.178.458	(479.057.637.713)	(32.128.779.934)	170.697.225.479

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí lãi vay	8.406.300.436	8.481.657.149
Thù lao Hội đồng Quản trị	165.730.025	-
Chi phí khác	1.103.916.726	425.995.320
	9.675.947.187	8.907.652.469

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2025 VND	1/1/2025 VND
Cổ tức phải trả	16.134.059.500	16.154.069.500
Phải trả khác	2.345.009.702	3.111.071.107
	18.479.069.202	19.265.140.607

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay ngắn hạn

	Biến động trong kỳ		31/03/2025 Giá trị ghi sổ/Số có
	Tăng VND	Giảm VND	khả năng trả nợ VND
1/1/2025 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND			
	189.000.000.000	335.300.000.000	(406.900.000.000)
Vay ngắn hạn			117.400.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/03/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (i)	VND	3.7%	117.400.000.000	120.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (ii)	VND		-	69.000.000.000
			117.400.000.000	189.000.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay không được đảm bảo tại ngày 31 tháng 03 năm 2025.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	31/03/2025	31/03/2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	7.390.916.522	6.859.459.423
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 18)	1.595.946.324	1.544.499.999
Sử dụng trong kỳ	(44.860.000)	(185.952.900)
Số dư cuối kỳ	8.942.002.846	8.218.006.522

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	450.000.000.000	36.600.250.272	347.963.187.580	834.563.437.852
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	26.532.142.207	26.532.142.207
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(1.544.499.999)	(1.544.499.999)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(118.142.100)	(118.142.100)
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2024	450.000.000.000	36.600.250.272	372.832.687.688	859.432.937.960
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	73.498.185.999	73.498.185.999
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.633.500.001)	(4.633.500.001)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023	-	-	(1.005.776.094)	(1.005.776.094)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(354.426.300)	(354.426.300)
Cổ tức năm 2023 (Thuyết minh 20)	-	-	(67.500.000.000)	(67.500.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2024 (Thuyết minh 20)	-	-	(22.500.000.000)	(22.500.000.000)
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	450.000.000.000	36.600.250.272	350.337.171.292	836.937.421.564
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	8.932.056.149	8.932.056.149
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.595.946.324)	(1.595.946.324)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(132.840.000)	(132.840.000)
Số dư tại ngày 01 tháng 03 năm 2025	450.000.000.000	36.600.250.272	357.540.441.117	844.140.691.389

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/03/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 và ngày 31 tháng 03 năm 2024.

20. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty ngày 17 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức năm 2023 cho các cổ đông là 67.500 triệu VND, tương đương 1.500 VND/cổ phiếu.

Tại Nghị Quyết số 08/2024/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty ngày 27 tháng 11 năm 2024, Hội đồng quản trị của Công ty đã phê duyệt tạm ứng cổ tức năm 2024 cho các cổ đông là 22.500 triệu VND, tương đương 500 VND/cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024.

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/03/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	3.408.321.286	3.408.321.286
Từ hai đến năm năm	13.633.285.144	13.633.285.144
Sau năm năm	61.256.404.483	62.096.812.471
	<u>78.298.010.913</u>	<u>79.138.418.901</u>

(b) Ngoại tệ

	31/03/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	430,53	10.926.851	119.436,77	3.015.897.879
		<u>10.926.851</u>		<u>3.015.897.879</u>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/03/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	-	13.790.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	10.553.214.000	395.555.555
	<u>10.553.214.000</u>	<u>13.790.000.000</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**23. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	31/03/2025 VND	31/03/2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	416.958.123.474	498.908.783.393
▪ Bán hàng hóa, phế liệu	4.015.325.058	3.271.388.995
	420.973.448.532	502.180.172.388
Trừ đi khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	33.913.440	20.678.900
Doanh thu thuần	420.939.535.092	502.159.493.488

24. Giá vốn hàng bán

	31/03/2025 VND	31/03/2024 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	401.127.695.298	463.538.362.861
▪ Hàng hóa	300.921.380	-
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	736.135.989	36.966.037
	402.164.752.667	463.575.328.898

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	31/03/2025 VND	31/03/2024 VND
Lãi tiền gửi	9.110.013	1.675.621.281
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	185.682.172	3.554.835.520
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.806.156	262.015.595
	201.598.341	5.492.472.396

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Chi phí tài chính**

	31/03/2025 VND	31/03/2024 VND
Chi phí lãi vay	1.661.760.183	2.308.675.251
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.821.490	(12.099.324)
	1.673.581.673	2.296.575.927

27. Chi phí bán hàng

	31/03/2025 VND	31/03/2024 VND
Chi phí nhân viên	753.439.359	818.139.193
Chi phí NVL, CCDC	85.963.052	45.330.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.708.219.004	2.351.269.443
Chi phí bán hàng khác	120.573.610	166.864.604
	2.668.195.025	3.381.603.444

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	31/03/2025 VND	31/03/2024 VND
Chi phí nhân viên	2.047.569.956	2.067.591.372
Chi phí NVL, CCDC	118.091.114	122.610.897
Chi phí khấu hao và phân bổ	195.520.536	198.088.417
Thuê, phí lệ phí	10.755.749	353.493.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	523.424.546	331.826.302
Chi phí quản lý khác	600.257.165	813.020.189
	3.495.619.066	3.886.630.587

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	31/03/2025 VND	31/03/2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	332.880.455.558	411.282.035.247
Chi phí khấu hao và phân bổ	31.507.995.433	32.037.519.578
Chi phí nhân viên	13.314.782.148	14.211.457.491
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.636.123.452	4.718.418.974
Chi phí khác	1.765.535.866	2.225.411.812

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	31/03/2025 VND	31/03/2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Quý hiện hành	2.396.483.938	5.230.163.483
Dự phòng thiếu trong những năm trước	4.274.335	2.664.931.647
	2.400.758.273	7.895.095.130
(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(81.372.056)	17.056.489
	(81.372.056)	17.056.489

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	31/03/2025 VND	31/03/2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.251.442.366	34.444.293.826
Thuế theo thuế suất của Công ty	2.250.288.473	6.888.858.765
Chi phí không được khấu trừ thuế	146.195.465	45.627.421
Dự phòng thiếu trong những năm trước	4.274.335	960.608.944
	7.895.095.130	6.198.115.356

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	31/03/2025 VND	31/03/2024 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	8.932.056.149	26.532.142.207
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.595.946.324)	(1.544.499.999)
Trích quỹ công tác xã hội	(132.840.000)	(118.142.100)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	7.203.269.825	24.869.500.108

(*) Số trích vào trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 và ngày 31 tháng 03 năm 2024. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	31/03/2025 VND	31/03/2024 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	780.983.234.500	908.509.716.450
Doanh thu khác	279.567.000	19.933.502
Mua nguyên vật liệu	316.390.602.343	331.340.513.218
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Mua hàng hóa	469.873.690	235.187.470
Công ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	352.910.150	-
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hoá	76.912.000	74.124.000
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương		
Mua hàng hoá	65.796.296	70.923.478
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn-Sông Lam		
Bán Hàng hóa	175.650.000	136.550.000

	Giá trị giao dịch	
	31/03/2025 VND	31/03/2024 VND
Hội đồng Quản trị		
Thù lao		
Ông Koo Liang Kwee – Chủ tịch	-	10.000.000
Bà Bùi Thị Nhựt – Thành viên	-	7.000.000
Ông Trần Nguyên Trung – Thành viên	-	7.000.000
Ông Văn Thảo Nguyên – Thành viên	-	7.000.000
Ông Đinh Văn Thành – Thành viên	-	7.000.000
Ban Điều hành		
Lương, thưởng và thù lao	1.118.717.527	1.033.350.530

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ban kiểm soát

Thù lao

Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân – Trưởng Ban

78.739.309

105.855.319

Ông Nguyễn Văn Hòa – Thành viên

-

4.000.000

Bà Đỗ Thị Diễm Kiều – Thành viên

-

4.000.000

33. Thông tin so sánh

Ngoại trừ lỗi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh như được trình bày ở Thuyết minh 31, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho kỳ kết thúc quý 1 tại ngày 31 tháng 03 năm 2024.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025



Người duyệt:

Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Người lập:

Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng